

# PHIẾU DỮ LIỆU AN TOÀN

## 1. Nhận dạng

Mã định danh sản phẩm	Chockfast Neutral Versaflow Aggregate
Các hình thức nhận dạng khác	
SKU#	GP142A
Công dụng đề nghị	Không có dữ liệu.
Các giới hạn đề nghị	Chưa được biết.
Thông tin về Nhà Sản Xuất/Nhập Khẩu/Cung Cấp/Phân Phối	
Tên công ty	ITW Performance Polymers
Địa chỉ	Bay 150 Shannon Industrial Estate Co. Clare Ailen V14 DF82
Người Liên Hệ	Customer Service
Số Điện Thoại	353(61)771500 353(61)471285
Email	customerservice.shannon@itwpp.com
Số điện thoại khẩn cấp	44(0) 1235 239 670 (24 giờ )

## 2. Nhận diện các hiểm họa

Hiểm Họa Vật Lý	Không được phân loại.	
Hiểm Họa Cho Sức Khỏe	Khả năng gây ung thư	Loại 1A
	Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau lần tiếp xúc lại	Loại 1
Các hiểm họa cho môi trường	Không được phân loại.	
Các thành phần của nhãn		
Từ cảnh báo	Nguy hiểm	
Công bố hiểm họa	Có thể gây ung thư. Gây tổn thương cho các cơ quan thông qua phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại.	
Thông điệp đề phòng		
Phòng Ngừa	Lấy hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng. Không được thao tác nếu chưa đọc và hiểu tất cả mọi biện pháp phòng ngừa an toàn. Không hít sương/hơi. Rửa kỹ sau khi thao tác. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm này. Sử dụng găng tay bảo hộ/phương tiện bảo vệ mắt/mặt.	
Ứng phó	NẾU phơi nhiễm hoặc lo ngại: Tìm tư vấn/chăm sóc y tế.	
Bảo Quản	Lưu trữ trong khu vực khóa.	
Thải bỏ	Thải bỏ vật liệu bên trong/thùng chứa theo quy định địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.	
Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại	Chưa được biết.	
Thông tin thêm	99% hỗn hợp có chứa (các) thành phần có độc tính cấp tính chưa biết qua đường hô hấp. 99% hỗn hợp có chứa (các) thành phần có nguy cơ cấp tính chưa biết đối với môi trường thủy sinh. 99% hỗn hợp có chứa (các) thành phần có nguy hại lâu dài chưa biết đối với môi trường thủy sinh.	

## 3. Thành phần/ thông tin về các phụ liệu

Tên Hóa Chất	Tên thông dụng và từ đồng nghĩa	Số CAS / Số EC	%
Crystalline SiO2 (Thạch anh )		14808-60-7 238-878-4	60 - 100
Các thành phần khác dưới mức có thể báo cáo			< 1

#### 4. Các biện pháp sơ cứu

Hít phải	Đưa ra nơi không khí trong lành. Gọi cho bác sĩ nếu các triệu chứng xuất hiện hoặc kéo dài.
Tiếp xúc với da	Rửa sạch bằng xà phòng và nước. Tìm chăm sóc y tế nếu tình trạng kích ứng lan rộng và dai dẳng.
Tiếp xúc với mắt	Rửa bằng nước. Tìm chăm sóc y tế nếu tình trạng kích ứng lan rộng và dai dẳng.
Ăn phải	Súc miệng. Tìm chăm sóc y tế nếu các triệu chứng xuất hiện.
Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm xuất hiện	Ho. Phơi nhiễm kéo dài có thể gây các ảnh hưởng mãn tính.
Dấu hiệu cần phải được chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt	Cung cấp các biện pháp hỗ trợ tổng quát và điều trị theo triệu chứng. Theo dõi nạn nhân. Các triệu chứng có thể xuất hiện muộn.
Thông tin tổng quát	NEU phơi nhiễm hoặc lo ngại: Tìm tư vấn/chăm sóc y tế. Nếu bạn cảm thấy không được khỏe, hãy tìm tư vấn y tế (đưa nhãn cho bác sĩ xem nếu có thể). Đảm bảo rằng nhân viên y tế có nhận thức về (các) vật liệu liên quan, và thực hiện các biện pháp phòng ngừa để bảo vệ bản thân.

#### 5. Các biện pháp cứu hỏa

Các chất chữa cháy phù hợp	Sương nước. Bọt chữa cháy. Bột hóa chất khô. cacbon dioxit (CO2).
Chất chữa cháy không phù hợp	Không dùng vòi xịt nước (water jet) để dập lửa, vì việc này sẽ làm lửa lan rộng.
Hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất	Trong khi cháy, các khí nguy hại cho sức khỏe có thể được hình thành.
Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy	Phải sử dụng bình dưỡng khí thở độc lập và trang phục bảo hộ đầy đủ trong trường hợp có cháy.
Các chỉ dẫn/trang thiết bị cứu hỏa	Đưa các thùng chứa ra khỏi khu vực cháy nếu bạn có thể làm mà không có rủi ro.
Các biện pháp cụ thể	Sử dụng các quy trình chữa cháy tiêu chuẩn và xem xét nguy cơ của các vật liệu liên quan khác.
Các hiểm họa cháy nói chung	Không có nguy cơ cháy hoặc nổ bất thường nào được ghi chú.

#### 6. Các biện pháp xử lý rò rỉ bất ngờ

Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp	Không để những nhân viên không liên quan tiếp cận. Giữ mọi người tránh xa khỏi khu vực tràn đổ/rò rỉ và ở đầu chiều gió. Mang thiết bị và quần áo bảo hộ thích hợp trong khi dọn dẹp. Không hít sương/hơi. Đảm bảo đủ thông gió. Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được. Về vấn đề bảo hộ cá nhân, xin xem mục 8 của Phiếu An Toàn Hóa Chất.
Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch	Tràn đổ Lớn: Ngăn dòng chảy vật liệu, nếu việc này không gây nguy hiểm. Quây kín vật liệu tràn đổ, nếu có thể. Dùng vecmiculit, cát hoặc đất khô thấm hút rồi cho vào thùng chứa. Sau khi thu gom sản phẩm, dùng nước xả sạch khu vực.  Tràn đổ Nhỏ: Lau sạch bằng các vật liệu thấm hút (ví dụ như khăn, bông). Làm sạch bề mặt cẩn thận để loại bỏ lượng chất ô nhiễm còn lại.  Không bao giờ cho chất tràn đổ vào lại thùng chứa ban đầu để tái sử dụng. Để vật liệu trong thùng chứa phù hợp, đậy nắp, dán nhãn. Về thải bỏ chất thải, xem mục 13 của Phiếu An Toàn Hóa Chất.
Các biện pháp đề phòng cho môi trường	Tránh xả vào cống rãnh, kênh rạch hoặc xuống đất.

#### 7. Thao tác và bảo quản

Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn	Lấy hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng. Không được thao tác nếu chưa đọc và hiểu tất cả mọi biện pháp phòng ngừa an toàn. Không hít sương/hơi. Tránh phơi nhiễm kéo dài. Không ăn, uống, hút thuốc khi sử dụng. Nên thao tác trong các hệ thống kín, nếu có thể được. Thực hiện thông gió đầy đủ. Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp. Rửa tay thật kỹ sau khi thao tác. Tuân thủ tất cả các quy chuẩn vệ sinh công nghiệp.
Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi tính chất tương kỵ	Lưu trữ trong khu vực khóa. Bảo quản đóng kín trong thùng chứa. Bảo quản xa các vật liệu không tương thích (xem Mục 10 của Phiếu An toàn Hóa chất SDS).

#### 8. Kiểm soát việc tiếp xúc / bảo hộ cá nhân

##### Các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp

##### Hoa Kỳ. Giá trị Giới hạn Ngưỡng (TLV) theo ACGIH

Thành phần	Loại	Giá trị	Dạng
Crystalline SiO <sub>2</sub> (Thạch anh) (CAS 14808-60-7)	TWA	0.025 mg/m <sup>3</sup>	Phần có thể hít.

Các giá trị giới hạn sinh học Không có giới hạn tiếp xúc sinh học nào đáng lưu ý cho (các) thành phần.

**Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp** Nên sử dụng hệ thống thông gió toàn bộ. Tốc độ thông gió phải phù hợp với từng điều kiện. Nếu có, sử dụng quy trình xử lý kín, thông gió hút cục bộ, hoặc các biện pháp kỹ thuật khác để duy trì nồng độ trong không khí dưới giới hạn tiếp xúc được khuyến nghị. Nếu giới hạn tiếp xúc chưa được thiết lập, duy trì nồng độ trong không khí ở mức có thể chấp nhận.

**Các biện pháp bảo vệ cá nhân, như trang bị bảo hộ cá nhân**

**Biện pháp bảo vệ mắt/mặt** Mặt nạ chống hóa chất có ống lọc hơi hữu cơ và kính che toàn bộ mặt.

**Bảo vệ da**

**Bảo vệ tay** Đeo găng tay chống hóa chất thích hợp.

**Khác** Nên sử dụng tạp dề không thấm.

**Bảo vệ đường hô hấp** Mặt nạ chống hóa chất có ống lọc hơi hữu cơ và kính che toàn bộ mặt.

**Các hiểm họa nhiệt** Sử dụng trang phục bảo hộ chống nhiệt thích hợp, khi cần thiết.

**Các lưu ý vệ sinh chung**

Tuân thủ mọi yêu cầu về giám sát y tế. Luôn tuân thủ tốt các biện pháp vệ sinh cá nhân, chẳng hạn như rửa tay sau khi thao tác với vật liệu và trước khi ăn, uống, và/hoặc hút thuốc. Thường xuyên giặt quần áo lao động và thiết bị bảo hộ để loại bỏ các chất nhiễm bẩn.

**9. Tính chất lý hóa**

<b>Ngoại Quan</b>	Sand Like
<b>Trạng thái vật lý</b>	Lỏng.
<b>Dạng</b>	Chất lỏng. Hạt.
<b>Màu</b>	Natural color
<b>Mùi</b>	Không có.
<b>Ngưỡng phát hiện mùi</b>	Không có dữ liệu.
<b>pH</b>	Không có dữ liệu.
<b>Điểm chảy/điểm đông</b>	Không có dữ liệu.
<b>Điểm và vùng nhiệt độ sôi ban đầu</b>	Không có dữ liệu.
<b>Điểm chớp cháy</b>	Không có dữ liệu.
<b>Tốc độ bay hơi</b>	Không có dữ liệu.
<b>Khả năng cháy (rắn, khí)</b>	Không áp dụng.
<b>Giới hạn cháy trên/dưới hoặc các giới hạn nổ</b>	
<b>Giới hạn nổ – dưới (%)</b>	Không có dữ liệu.
<b>Giới hạn nổ – trên (%)</b>	Không có dữ liệu.
<b>Áp suất hơi</b>	-0.01 hPa Ước tính
<b>Tỷ khối hơi</b>	Không có dữ liệu.
<b>Tỷ trọng tương đối</b>	Không có dữ liệu.
<b>(Các) độ tan</b>	
<b>Tính tan (nước)</b>	Không có dữ liệu.
<b>Hệ số phân tách (n-octanol/nước)</b>	Không có dữ liệu.
<b>Nhiệt độ tự bốc cháy</b>	Không có dữ liệu.
<b>Nhiệt độ phân hủy</b>	Không có dữ liệu.
<b>Độ nhớt</b>	Không có dữ liệu.
<b>Thông tin khác</b>	
<b>Các tính chất nổ</b>	Không nổ.
<b>Các tính chất oxy hóa</b>	Không oxy hóa.

**10. Độ bền và khả năng phản ứng**

<b>Khả năng phản ứng</b>	Sản phẩm ổn định và không phản ứng trong các điều kiện sử dụng, bảo quản và vận chuyển bình thường.
<b>Độ bền hóa học</b>	Vật liệu ổn định trong các điều kiện bình thường.
<b>Khả năng gây phản ứng nguy hiểm</b>	Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.
<b>Các điều kiện cần tránh</b>	Tiếp xúc với các vật liệu không tương thích.
<b>Các vật liệu tương kỵ</b>	Các chất oxy hóa mạnh. Clo.
<b>Các sản phẩm phân hủy gây nguy hiểm</b>	Không sản phẩm phân hủy nguy hại nào được biết đến.

## 11. Thông tin về độc tính

### Thông tin về các lộ trình tiếp xúc có khả năng xảy ra

Hít phải	Hít phải kéo dài có thể có hại.
Tiếp xúc với da	Dự kiến là không gây ra các ảnh hưởng có hại khi tiếp xúc với da.
Tiếp xúc với mắt	Tiếp xúc trực tiếp với mắt có thể gây kích ứng nhất thời.
Ăn phải	Dự kiến là có nguy cơ khi nuốt phải thấp.

Triệu chứng liên quan đến tính chất vật lý, hóa học và độc tính.

### Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính	Chưa được biết.
Ăn mòn/kích ứng da	Tiếp xúc kéo dài với da có thể gây kích ứng nhất thời.
Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng	Tiếp xúc trực tiếp với mắt có thể gây kích ứng nhất thời.
Gây mẫn cảm đường hô hấp hoặc da	
Gây mẫn cảm đường hô hấp	Không phải là một chất gây mẫn cảm đường hô hấp.
Gây mẫn cảm da	Sản phẩm này được dự kiến là không gây mẫn cảm cho da.
Khả năng gây đột biến tế bào mầm	Không có dữ liệu nào cho thấy sản phẩm hoặc bất kỳ thành phần nào có nồng độ trên 0,1% là chất gây đột biến hoặc gây độc cho gen.
Khả năng gây ung thư	Có thể gây ung thư.

### Các chất gây ung thư theo Hiệp Hội Vệ Sinh Công Nghiệp Hoa Kỳ (ACGIH)

Crystalline SiO<sub>2</sub> (Thạch anh) (CAS 14808-60-7) A2 Nghi là chất gây ung thư cho người.

### Các Chuyên Khảo Của Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế (IARC). Đánh Giá Tổng Thể Khả Năng Gây Ung Thư

Crystalline SiO<sub>2</sub> (Thạch anh) (CAS 14808-60-7) 1 Gây ung thư cho người.

### Hoa Kỳ-Chương Trình Độc Chất Quốc Gia (NTP) Báo Cáo về Các Chất Gây Ung Thư: Chất đã biết là gây thư

Crystalline SiO<sub>2</sub> (Thạch anh) (CAS 14808-60-7) Được biết đến là con người gây ung thư.

Độc tích sinh sản	Sản phẩm này được dự kiến là không gây tác động đến sinh sản hoặc phát triển.
Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau một lần tiếp xúc	Không được phân loại.
Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau lần tiếp xúc lại	Gây tổn thương cho các cơ quan thông qua phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại.
Hiểm họa hít phải	Không phải là nguy cơ đối với đường hô hấp.
Ảnh hưởng mãn tính	Hít phải kéo dài có thể có hại. Gây tổn thương cho các cơ quan thông qua phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại. Phơi nhiễm kéo dài có thể gây các ảnh hưởng mãn tính.

## 12. Thông tin về sinh thái

Độc tính sinh thái	Sản phẩm không được phân loại là nguy hại cho môi trường. Tuy nhiên, điều này không loại trừ khả năng các vụ tràn đổ lớn hoặc thường xuyên có thể có hại hoặc phá hủy môi trường.
Độ Bền Và Khả Năng Phân Hủy	Không có dữ liệu về khả năng phân hủy của bất kỳ thành phần nào trong hỗn hợp này.
Khả năng tích tụ sinh học	Không có dữ liệu.
Di chuyển trong đất	Không có dữ liệu.
Các tác dụng có hại khác	Thành phần này được dự kiến là không gây ra tác động bất lợi nào khác cho môi trường (ví dụ: suy giảm tầng ôzôn, khả năng tạo ozon do quang hóa, rối loạn nội tiết, khả năng gây nóng lên toàn cầu)

## 13. Các cân nhắc khi thải bỏ

Các Hướng Dẫn Thải Bỏ	Thu gom và tái chế hoặc thải bỏ trong các thùng kín tại nơi xử lý chất thải được cấp phép. Thải bỏ vật liệu bên trong/thùng chứa theo quy định địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.
Các quy định tiêu hủy của địa phương	Thải bỏ theo tất cả các quy định hiện hành.
Chất thải từ cặn lắng/ sản phẩm không sử dụng	Thải bỏ theo quy định của địa phương. Các thùng chứa hoặc túi lót rỗng có thể còn chứa các cặn dư của sản phẩm. Vật liệu này và thùng chứa của nó phải được thải bỏ một cách an toàn (xem: Hướng dẫn thải bỏ).
Bao bì bị ô nhiễm	Vì các thùng chứa dù đã hết vẫn có thể còn lại cặn dư sản phẩm, tuân theo các cảnh báo trên nhãn ngay cả khi thùng chứa đã cạn. Các thùng chứa rỗng cần được đưa đến cơ sở xử lý chất thải đã được phê duyệt để tái chế hoặc thải bỏ.

## 14. Thông tin về việc vận chuyển

### IATA

Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.

### IMDG

Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.

**Vận chuyển số lượng lớn theo** Chưa được thiết lập.

**Phụ Lục II của Hiệp Định  
MARPOL 73/78 và Quy Tắc IBC**

## 15. Thông tin về quy định

**Các quy định quốc gia** Về các biện pháp bảo vệ, hướng dẫn sử dụng và bảo quản, xin xem Phiếu An Toàn Hóa Chất. Về số lượng, ngày sản xuất, ngày hết hạn và xuất xứ hàng hóa, xin xem nhãn vận chuyển.

**Hóa chất cấm (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục III, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi**

Không có trong danh mục.

**Hóa chất Sản xuất & Kinh doanh có Điều kiện (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục I, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi**

Không có trong danh mục.

**Hóa chất Phải Khai báo (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục V, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi**

Không được quy định.

**CWC (Nghị định số 38/2014/ND-CP, về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của công ước Cấm Phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học, Bảng 1-3, ngày 6 tháng 5 năm 2014), đã sửa đổi**

Không được quy định.

**Tiền chất ma túy (Nghị định 82/2013/ND-CP về việc Ban hành các Danh mục Chất ma túy và Tiền chất IV, đã được sửa đổi bởi Nghị định 126/2015/ND-CP, ngày 9 tháng 12 năm 2015), đã sửa đổi**

Không được quy định.

**Các Yêu Cầu về Kế Hoạch Phòng Ngừa, Ứng Phó Sự Cố & An Toàn cho Hóa Chất Nguy Hại (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục IV, Bảng 1, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi**

Không có trong danh mục.

**Các chất làm suy giảm tầng ô-dôn (ODS) (Thông tư Liên tịch số 14/2005/TTLT-BTM-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2005), đã sửa đổi**

Không được quy định.

**Hóa chất Hạn chế Sản xuất & Kinh doanh (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục II, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi**

Không có trong danh mục.

### Các quy định quốc tế

#### Hiệp Ước Stockholm

Không áp dụng.

#### Hiệp Ước Rotterdam

Không áp dụng.

#### Nghị định thư Montreal

Không áp dụng.

#### Nghị định thư Kyoto

Không áp dụng.

#### Hiệp Ước Basel

Không áp dụng.

### Các Danh Mục Quốc Tế

Quốc gia hoặc khu vực	Tên kiểm kê	Đang lưu kho (có/không)*
Ôt-xtrây-li-a	Danh mục Hóa chất Công nghiệp Úc (AICIS)	Có
Canada	Danh Sách Chất Sinh Hoạt (DSL)	Có
Canada	Danh Sách Các Chất Không Phải Sinh Hoạt (NDSL)	Không
Trung Quốc	Kiểm Kê Các Chất Hóa Học Hiện Hữu ở Trung Quốc (IECSC)	Có
Châu Âu	Danh mục Hóa Chất Thương Mại Hiện Hành của châu Âu (EINECS)	Có
Châu Âu	Danh Sách Các Chất Hóa Học Được Thông Báo của Châu Âu (ELINCS)	Không
Nhật Bản	Kiểm Kê Các Chất Hóa Học Mới và Hiện Hữu (ENCS)	Có
Hàn Quốc	Danh Sách Hóa Chất Hiện Hữu (ECL)	Có
Niu Di Lân	Kiểm Kê New Zealand	Có
Philippines	Kiểm Kê Các Hóa Chất và Chất Hóa Học (PICCS)	Có
Đài Loan	Danh Mục Hóa Chất của Đài Loan (TCSI)	Có

**Quốc gia hoặc khu vực**

Hoa Kỳ và Puerto Rico

**Tên kiểm kê**

Danh Mục Theo Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc (TSCA)

**Đang lưu kho (có/không)\***

Có

\*"Có" chỉ ra rằng mọi thành phần của sản phẩm này phù hợp với các yêu cầu hàng tồn kho được quản lý bởi quốc gia cai quản

"Không" cho biết một hoặc nhiều thành phần của sản phẩm không được nêu hoặc được miễn nêu trong danh mục do (các) quốc gia quản lý quản trị.

## 16. Thông tin khác, kể cả ngày soạn thảo hoặc sửa đổi

**Ngày Ban Hành**

02-Tháng-Sáu-2023

**Ngày sửa đổi**

27-Tháng-Bảy-2023

**Phiên bản số**

03

**Khước Từ Trách Nhiệm**

ITW Performance Polymers không thể xác định trước tất cả các điều kiện mà thông tin ở đây cùng với sản phẩm của nó, hoặc sản phẩm của những nhà sản xuất khác cùng với sản phẩm của họ, có thể sẽ được sử dụng. Người dùng có trách nhiệm bảo đảm mọi điều kiện an toàn cho việc thao tác, bảo quản và thải bỏ sản phẩm này, và chịu trách nhiệm pháp lý về việc mất mát, tổn thương, thiệt hại hoặc chi phí do việc sử dụng không phù hợp gây ra. The information provided in this Safety Data Sheet is correct to the best of our knowledge, information and belief at the date of its publication. The information relates only to the specific material designated and may not be valid for such material used in combination with any other materials or in any process, unless specified in the text. The information given is designed only as a guidance for safe handling, use, processing, storage, transportation, disposal and release.